



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 28
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính	29 – 30
Phụ lục 02: Vốn chủ sở hữu	31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2021)
Ông Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 03/08/2021)
Ông Ngô Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Chiến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2021)
Ông Trương Đức Nam	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2021)
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/08/2021)
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/08/2021)
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng; công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Dưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy

định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.

- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc
Phòng Giám đốc



Ban Việt Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 142 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long*

Kính gửi:
Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày từ trang 08 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho kỳ kế toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thực hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long* tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Phương Anh

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0739-2018-133-1*

Hoàng Thị Khánh Vân

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 0371-2018-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.222.118.894		86.587.946.870
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.820.342.797		952.373.890
111	1. Tiền		2.820.342.797		952.373.890
112	2. Các khoản tương đương tiền		-		-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4a	107.230.733.220		49.748.493.151
121	1. Chứng khoán kinh doanh		109.023.849.274		-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(1.793.116.054)		-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-		49.748.493.151
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.071.505.228		35.744.675.322
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.325.609.845		836.829.844
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.054.043.732		1.316.136.332
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-		19.999.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.507.865.228		15.105.500.381
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(1.816.013.577)		(1.512.791.235)
140	IV. Hàng tồn kho		-		-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		99.537.649		142.404.507
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	60.234.333		83.744.723
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.303.316		38.722.409
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-		19.937.375
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		246.946.335.082		231.962.490.261
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-		-
220	II. Tài sản cố định		-		-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-		-
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-		-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-		-
230	III. Bất động sản đầu tư		-		-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-		-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		246.946.335.082		231.962.490.261
251	1. Đầu tư vào công ty con	4b	8.328.498.833		108.323.498.833
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4c	-		161.998.750.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4c	180.000.000.000		-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	4	(582.163.751)		(38.359.758.572)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4a	59.200.000.000		-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-		-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10b	-		-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		371.168.453.976		318.550.437.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
				Số đầu năm	
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		10.731.209.167	1.481.369.537	
310	I. Nợ ngắn hạn		7.458.803.295	1.481.369.537	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	6.834.244	76.134.244	
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	1.376.411.100	1.376.411.100	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.075.557.951	4.600.000	
314	4. Phải trả người lao động		-	18.196.067	
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	-	6.028.126	
330	II. Nợ dài hạn		3.272.405.872	-	
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.272.405.872	-	
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		360.437.244.809	317.069.067.594	
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	360.437.244.809	317.069.067.594	
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000	
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333	
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)	
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737	
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.469.119.272	(5.899.057.943)	
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(5.899.057.943)	(10.704.776.156)	
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		43.368.177.215	4.805.718.213	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			371.168.453.976	318.550.437.131	

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Nhài

Phạm Thị Nhài

Bùi Việt Dũng

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHI TIÊU	Đơn vị tính: VND		
		Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	1.297.918.112	1.390.370.868
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		1.297.918.112	1.390.370.868
11	4. Giá vốn hàng bán	17	1.120.793.000	1.129.769.091
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		177.125.112	260.601.777
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	54.725.788.021	4.763.509.749
22	7. Chi phí tài chính	19	810.521.233	(394.377.410)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	171.375.813	210.372.881
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.025.840.683	407.692.497
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25+ 26)}		52.895.175.404	4.800.423.558
31	11. Thu nhập khác	22	40.000.000	10.000.999
32	12. Chi phí khác	23	199.096.991	4.706.344
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(159.096.991)	5.294.655
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		52.736.078.413	4.805.718.213
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24a	6.095.495.326	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24b	3.272.405.872	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		43.368.177.215	4.805.718.213

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tông Giám đốc






Phạm Thị Nhài

Phạm Thị Nhài

Bùi Việt Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Đơn vị tính: VND	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	52.736.078.413		4.805.718.213
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(89.759.874.310)		(5.264.854.887)
02	- Khấu hao tài sản cố định			
03	- Các khoản dự phòng	(35.681.256.425)		(501.345.138)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(54.078.617.885)		(4.763.509.749)
06	- Chi phí lãi vay			
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(37.023.795.897)		(459.136.674)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	34.770.743.946		(1.953.479.997)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-		-
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	(118.061.568)		(99.901.875.807)
12	(Không) kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
13	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	23.510.390		(83.744.723)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-		-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.347.603.129)		(102.398.237.201)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(168.223.849.274)		(29.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	49.748.493.151		23.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(180.000.000.000)		-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	261.993.750.000		100.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	40.697.178.159		9.269.727.557
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4.215.572.036		102.369.727.557
40	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.867.968.907		(28.509.644)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	952.373.890		980.883.534
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.820.342.797		952.373.890

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Tông Giám đốc



Phạm Thị Nhài



Phạm Thị Nhài



Bùi Việt Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị Trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HDQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2021 là: 06 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội	Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội
---	--

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính:

Từ năm 2019, Công ty có thay đổi hoạt động kinh doanh sang quy mô đầu tư tài chính. Trong năm 2021, đơn vị có thực hiện chuyển nhượng cổ phần của 3 công ty đang theo dõi là các công ty liên kết trên báo cáo tài chính theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Vì vậy, thu nhập trong năm 2021 chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến lãi hoạt động chuyển nhượng, cho vay và đầu tư trái phiếu. Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Công ty cũng thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An.

Việc chuyển nhượng cổ phần các Công ty liên kết và thoái vốn tại Công ty con đã, các làm một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán cũng như doanh thu hoạt động tài chính, lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận

ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chi tiêu sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Năm 2021 đơn vị được bù lỗ theo thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015. Chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	2.774.342.739	910.670.553
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.000.058	41.703.337
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	2.820.342.797	952.373.890

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	109.023.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	-
- Trái phiếu	-	-	49.748.493.151	-
- Chứng khoán kinh doanh(*)	109.023.849.274	(1.793.116.054)	-	-
Dài hạn	59.200.000.000	-	-	-
- Trái phiếu (**)	59.200.000.000	-	-	-
Cộng	168.223.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	-

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu đầu khí Thái Bình: Số lượng 1.827.100 CP, giá trị là 104.011.868.520 VNĐ.
Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu đầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ.

() Chi tiết trái phiếu**

Trái phiếu của Công ty CP quản lý tài sản Pyxis, ngày phát hành là 21/07/2021, ngày đến hạn là ngày 21/07/2024, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/TP. Số lượng Trái phiếu: 39.200 Trái phiếu.

Trái phiếu của công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Kim Lan, ngày phát hành là 30/06/2021, ngày đáo hạn là 30/06/2024, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/TP. Số lượng Trái phiếu: 20.000 Trái phiếu.

b. Đầu tư vào công ty con (Xem chi tiết tại phụ lục số 01)**c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Xem chi tiết tại phụ lục số 01)****5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.325.609.845	836.829.844
KL TP Nam Định (vở luyện C1)	313.921.200	313.921.200
KL Hải Hậu (vở luyện C1)	151.668.800	151.668.800
KL Công nghệ GD C1(Nam Trực)	136.000.250	136.000.250
Đảm Mạnh Quân (1)	3.500.000.000	-
Nguyễn Thùy Linh (2)	8.000.000.000	-
Các đối tượng khác	224.019.595	235.239.594
Cộng	12.325.609.845	836.829.844

(1) Số còn phải thu từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH tư vấn và quản lý Smart Invest đã thu tiền vào ngày 09/02/2022

(2) Số còn phải thu từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP quản lý tài sản Pyxis đã thu tiền vào ngày 09/02/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.054.043.732	1.316.136.332
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	981.687.700
Công ty Cổ phần Bia- Rượu- Nước giải khát Hà Nội	-	262.092.600
Các đối tượng khác	72.356.032	72.356.032
Cộng	1.054.043.732	1.316.136.332

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Ngắn hạn		
Lê Hồng Long	-	5.099.000.000
Phạm Phan Anh	-	8.600.000.000
Đàm Mạnh Quân	-	6.000.000.000
Nguyễn Đức Trung	-	300.000.000
Cộng	-	19.999.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị VND	Giá trị VND
a. Ngắn hạn		
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	1.694.200.000
Phải thu khác (*)	2.507.865.228	15.105.500.381
Dư nợ tài khoản 3388	-	12.800.000.000
- Nguyễn Tiến Long	-	12.800.000.000
b. Dài hạn		
Cộng	2.507.865.228	15.105.500.381

(*) Chi tiết số dư phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Đức Trung		5.658.904
Ông Đàm Mạnh Quân		239.630.137
Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan		13.150.685
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis		2.113.578.082
Công ty Cổ phần Sạch và Thiết bị giáo dục Nam Định		381.136.461
Tổng cộng	2.507.865.228	611.300.381
Phải thu khác là các bên liên quan	2.507.865.228	366.011.340

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
KL TP Nam Định (vở luyê n C1)	313.921.200	-	313.921.200	-
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	981.687.700	981.687.700	294.506.310
KL Hải Hậu (vở luyê n C1)	151.668.800	151.668.800	151.668.800	-
KL Công nghệ GD C1(Nam Trư c)	136.000.250	136.000.250	136.000.250	-
Các đ ối tượng khác	233.875.627	1.140.000	224.019.595	-
Cộng	1.817.153.577	1.140.000	1.807.297.545	294.506.310

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	60.234.333	60.234.333	60.234.333	83.744.723
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	60.234.333	60.234.333	60.234.333	83.744.723

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH dịch vụ Văn hoá Việt	5.010.240	5.010.240	5.010.240	5.010.240
Các đ ối tượng khác	1.824.004	1.824.004	71.124.004	71.124.004
Cộng	6.834.244	6.834.244	76.134.244	76.134.244

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại NKC Việt Nam	1.376.411.100	1.376.411.100	1.376.411.100	1.376.411.100
Cộng	1.376.411.100	1.376.411.100	1.376.411.100	1.376.411.100

Khoản người mua trả tiền trước là khoản Công ty CP Đầu tư và Thương mại NKD Việt Nam chuyển tiền cho Công ty theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán than năm 2017 số 0609/2017/NABECO-NKC được ký ngày 6/9/2017.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	VND 19.937.375	VND -	VND 6.095.495.326	VND -	VND -	VND 6.075.557.951
Thuế Thu nhập cá nhân	-	4.600.000	5.800.000	10.400.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	VND 19.937.375	VND 4.600.000	VND 6.104.295.326	VND 13.400.000	VND -	VND 6.075.557.951

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hạn	-	6.028.126
Bảo hiểm xã hội	-	4.757.363
Bảo hiểm y tế	-	1.043.469
Bảo hiểm thất nghiệp	-	227.294
Các khoản phải trả, phải nộp khác(*)	-	-
Cộng	-	6.028.126

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
(Xem chi tiết tại phụ lục số 02)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Đặng Hoàng Tuấn	15.770.000.000	4,9%	21.470.000.000	6,6%
Vốn góp của đối tượng khác	307.230.000.000	95,1%	301.530.000.000	93,4%
Cộng	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	323.000.000.000	323.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
d. Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	32.300.000	32.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.300.000	32.300.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.000	81.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.219.000	32.219.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.297.918.112	1.390.370.868
Cộng	1.297.918.112	1.390.370.868

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.120.793.000	1.129.769.091
Cộng	1.120.793.000	1.129.769.091

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.475.703.641	1.405.153.585
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư (*)	48.001.250.000	
Lãi trái phiếu	5.248.834.380	3.358.356.164
Cộng	54.725.788.021	4.763.509.749
(*) Lãi do thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết		

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	163.351.097	(394.377.410)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	647.170.136	
Chi phí tài chính khác		
Cộng	810.521.233	(394.377.410)

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	38.684.162	12.565.276
Chi phí nhân công	80.800.000	69.200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.891.651	128.607.605
Cộng	171.375.813	210.372.881

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	29.982.332	
Chi phí nhân công	387.538.343	324.639.599
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	27.549.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.246.464	115.836.011
Chi phí khác bằng tiền	22.851.202	46.635.215
Chi phí dự phòng	303.222.342	(106.967.728)
Cộng	1.025.840.683	407.692.497

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	40.000.000	10.000.999
Cộng	40.000.000	10.000.999

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	2.485.521	
Chi phí khác	196.611.470	4.706.344
Cộng	199.096.991	4.706.344

24.a. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán hàng hóa		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	52.736.078.413	4.805.718.213
Các khoản điều chỉnh tăng	2.485.521	-
- Chi phí không hợp lệ	2.485.521	
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.899.057.943)	(4.805.718.213)
Lỗi lũy kế chuyển sang từ các năm trước	(5.899.057.943)	(4.805.718.213)
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.839.505.991	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)	6.095.495.326	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại do chênh lệch trích lập dự phòng theo TT48/2019 và thông tư 200	3.272.405.872	
Lỗi chuyển sang từ các năm trước		

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ đã chuyển đến 01/01/2021	Số lỗ chuyển trong năm 2021	Số lỗ còn được chuyển đến 31/12/2021
2019	2024		6.488.562.436	589.504.493	5.899.057.943
Cộng			6.488.562.436	589.504.493	5.899.057.943

24.b. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.272.405.872	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay		Năm trước	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	68.666.494	12.565.276		
Chi phí nhân công	468.338.343	393.839.599		
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	27.549.400		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.138.115	244.443.616		
Chi phí khác bằng tiền	22.851.202	46.635.215		
Chi phí dự phòng	303.222.342	(106.967.728)		
Cộng	1.197.216.496	618.065.378		

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị số kế toán		Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.820.342.797	952.373.890	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.833.475.073	(1.816.013.577)	15.942.330.225	(1.512.791.235)
Các khoản cho vay	-	-	19.999.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	-
Đầu tư dài hạn	59.200.000.000	-	-	-
Cộng	185.877.667.144	(3.609.129.631)	86.642.197.266	(1.512.791.235)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số kế toán		Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Vay và nợ				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.834.244	-	82.162.370	-
Cộng	6.834.244	-	82.162.370	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoài trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu tố chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống		Trên 1 năm đến 5 năm		Tổng
	VND	VND	VND	VND	
Số cuối năm					
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274				109.023.849.274
Đầu tư dài hạn		59.200.000.000			59.200.000.000
Cộng	109.023.849.274	59.200.000.000	-	-	168.223.849.274
Số đầu năm					
Đầu tư ngắn hạn	49.748.493.151				49.748.493.151
Đầu tư dài hạn		-			-
Cộng	49.748.493.151	-	-	-	49.748.493.151

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Từ 1 năm trở xuống		Từ 1 năm đến 5 năm		Từ 5 năm		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số cuối năm							
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.820.342.797						2.820.342.797
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.833.475.073						14.833.475.073
Các khoản cho vay	-						-
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274						109.023.849.274
Đầu tư dài hạn		59.200.000.000					59.200.000.000
Cộng	126.677.667.144	59.200.000.000	-	-	-	-	185.877.667.144
Số đầu năm							
Tiền và các khoản tương đương tiền	952.373.890						952.373.890
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.942.330.225						15.942.330.225
Các khoản cho vay	19.999.000.000						19.999.000.000
Đầu tư ngắn hạn	49.748.493.151						49.748.493.151
Đầu tư dài hạn							-
Cộng	86.642.197.266	-	-	-	-	-	86.642.197.266

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống		Từ 1 năm đến 5 năm		Từ 5 năm		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số cuối năm							
Phải trả người bán, phải trả Chi phí phải trả	6.834.244						6.834.244
Cộng	6.834.244	-	-	-	-	-	6.834.244
Số đầu năm							
Phải trả người bán, phải trả	82.162.370						82.162.370
Cộng	82.162.370	-	-	-	-	-	82.162.370

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện trọng yếu xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chi hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Hoạt động bán hàng	Tổng
Doanh thu thuần ra bên	1.297.918.112	1.297.918.112
Chi phí bộ phận	1.120.793.000	1.120.793.000
Kết quả kinh doanh bộ	177.125.112	177.125.112
Các chi phí không phân	1.197.216.496	1.197.216.496
bỏ theo bộ phận		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		(1.020.091.384)
Doanh thu hoạt động tài		54.725.788.021
Chi phí tài chính		810.521.233
Thu nhập khác		40.000.000
Chi phí khác		199.096.991
Thuế TNDN hiện hành		6.095.495.326
Thuế TNDN hoãn lại		3.272.405.872
Lợi nhuận sau thuế	-	43.368.177.215

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	Công ty liên kết đến ngày 24/12/2021	
Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan	Công ty đầu tư khác từ ngày 24/12/2021	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	Công ty con	
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An	Công ty con đến ngày 12/07/2021	
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc từ ngày 04/8/2021	
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc đến ngày 03/8/2021	

b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi Tráiphần		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	4.177.413.698	2.037.945.205
Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan	2.113.972.603	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**Thu lãi trái phiếu**

Công ty CP quản lý tài sản Pyxis
 Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan

2.063.835.616
 2.100.821.918
 6.537.945.205

Chi hộ

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định

15.125.121

Thu tiền phí dịch vụ

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định
 Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An

-
 -
 35.000.000
 35.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm:

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND

Phải thu khác

Công ty CP quản lý tài sản Pyxis
 Công ty CP du lịch sinh thái Kim Lan

2.113.578.082
 13.150.685
 -

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định

381.136.461
 366.011.340

Thu nhập của hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Năm nay

- Ông Bùi Việt Dũng- Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc- Bỏ nhiệm ngày 04/08/2021	30.700.000
- Bà Hứa Thị Anh Đào- Phó Tổng Giám đốc	31.920.000
- Ông Chu Đức Mạnh- Tổng Giám đốc- Miễn nhiệm ngày 03/08/2021	74.825.455

Tổng cộng

137.445.455

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phạm Thị Nhài

Phạm Thị Nhài

Tổng Giám đốc

 Bùi Việt Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục số 01:**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào công ty con	8.328.498.833	-	(582.163.751)	108.323.498.833	-	(38.359.758.572)
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An	-	-	-	99.995.000.000	(*)	(37.592.953.833)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	8.328.498.833	(*)	(582.163.751)	8.328.498.833	(*)	(766.804.739)
Cộng	8.328.498.833	-	(582.163.751)	108.323.498.833	-	(38.359.758.572)
c. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	161.998.750.000	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ SmartTech	-	-	-	37.000.000.000	(*)	-
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	-	-	-	49.200.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest	-	-	-	75.798.750.000	(*)	-
Cộng	-	-	-	161.998.750.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	180.000.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	100.000.000.000	(*)	-	-	-	-
- Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	80.000.000.000	(*)	-	-	-	-
Cộng	180.000.000.000	-	-	-	-	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Nơi thành lập và hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>
Công ty CP Sách và thiết bị giáo dục Nam định	Nam Định	99,880%	99,880%	Kinh doanh sách giáo khoa

Đầu tư vào Công ty khác

Thông tin chi tiết về đầu tư vào Công ty khác của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

<i>Tên công ty đầu tư khác</i>	<i>Nơi thành lập và hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>
- Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	Số nhà 11, ngách 20, ngõ Trại Cá, phố Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.	16,67%	16,67%	Kinh doanh du lịch, bất động sản cho thuê
- Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Phụ lục số 02:

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	291.971.737	(437.449.533)	(10.704.776.156)	312.263.349.381
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					4.805.718.213	4.805.718.213
- Tăng khác						-
- Trích lập các quỹ						-
- Giảm vốn trong năm trước						-
- Lỗ trong năm trước						-
- Cổ tức						-
- Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	291.971.737	(437.449.533)	(5.899.057.943)	317.069.067.594
- Tăng vốn trong năm nay						-
- Lãi trong năm nay					43.368.177.215	43.368.177.215
- Tăng khác						-
- Trích lập các quỹ						-
- Giảm vốn trong năm						-
- Lỗ trong năm nay						-
- Cổ tức						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	323.000.000.000	113.603.333	291.971.737	(437.449.533)	37.469.119.272	360.437.244.809